

TƯ TƯỞNG CANH TÂN Ở VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

TRẦN THỊ HOA*

Tư tưởng canh tân là một trào lưu nổi bật ở Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nó được hình thành, tồn tại và phát triển từ những điều kiện và yêu cầu của lịch sử - xã hội Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Bài viết trình bày khái quát điều kiện lịch sử - xã hội cũng như những nội dung cơ bản của tư tưởng canh tân như kinh tế, chính trị, văn hóa và giáo dục, quân sự và ngoại giao giai đoạn này.

Từ khóa: canh tân, kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, quân sự, ngoại giao

Nhận bài ngày: 5/10/2019; đưa vào biên tập: 10/10/2019; phản biện: 28/10/2019; duyệt đăng: 10/2/2020

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, canh tân đã trở thành xu hướng tất yếu nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử dân tộc Việt Nam trước sự xâm lược và thống trị của thực dân Pháp. Đại diện tiêu biểu của xu hướng canh tân thời kỳ này là những trí thức nho học cấp tiến như Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Nội dung của tư tưởng canh tân giai đoạn này khá phong phú, toàn diện và tương đối hệ thống, đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau như kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục... Mặc dù tư tưởng canh tân tồn tại trong xã hội Việt Nam thời gian ngắn và còn những hạn chế do điều kiện lịch sử - xã hội và quan điểm, lập trường giai cấp chế định, nhưng đã góp phần giải

quyết những yêu cầu bức thiết mà lịch sử đặt ra cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam.

2. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ - XÃ HỘI VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

2.1. Bối cảnh thế giới

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là giai đoạn có nhiều sự kiện mang tính thời đại, có ảnh hưởng rất lớn đối với quá trình phát triển của lịch sử xã hội loài người và có tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội Việt Nam. Chủ nghĩa tư bản đã tiến hành xâm lược và áp dụng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vào các nước phương Đông, trong đó có Việt Nam, làm biến đổi sâu sắc các mặt của đời sống xã hội như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... của các dân tộc thuộc địa. Các nước Nhật Bản, Thái Lan và Trung Quốc đã tiến hành canh tân đất nước, tạo ra sự phát triển mạnh mẽ về kinh

* Trường Đại học Trần Đại Nghĩa.

tế - xã hội, làm thay đổi căn bản chế độ chính trị. Bên cạnh đó, phong trào dân chủ tư sản ở Đông Âu (...). Thực tiễn ấy đặt câu hỏi cho dân tộc Việt Nam là phải bằng con đường cách mạng nào để bảo vệ độc lập cho dân tộc và phát triển đất nước. Câu hỏi này đã đưa đến sự hình thành những tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sự xâm lược, thống trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi cả về cấu trúc kinh tế và xã hội. Về kinh tế, dưới tác động của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa do thực dân Pháp áp đặt, nền kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến từ nền kinh tế phong kiến lạc hậu, khép kín sang nền kinh tế thuộc địa - tư bản chủ nghĩa. Song, tính chất và trình độ phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX còn yếu ớt và chậm chạp: “một thứ tư bản chủ nghĩa thuộc địa, phụ thuộc hoàn toàn vào chính quốc” (Nguyễn Văn Hòa, 2006: 10). Về chính trị - xã hội, để phục vụ đắc lực cho công cuộc “bảo hộ” và “khai hóa văn minh”, thực dân Pháp thiết lập một chế độ chuyên chế về chính trị mang tính chất thực dân với bộ máy cai trị và tay sai để đàn áp và bóc lột nhân dân Việt Nam. Về văn hóa, giáo dục, dưới chiêu bài “khai hóa”, thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân” về giáo dục, “nô dịch”

về văn hóa và “đầu độc” về tư tưởng đối với toàn thể dân tộc Việt Nam để dễ dàng cai trị. Về cơ cấu giai cấp, chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tồn tại đan xen giữa những giai cấp cũ (địa chủ phong kiến, nông dân) với những giai cấp mới (tư sản, tiểu tư sản và công nhân). Song, giai cấp nông dân vẫn là lực lượng đông đảo chiếm hơn 90% dân số. Xã hội Việt Nam nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản đó là mâu thuẫn giữa nông dân và giai cấp địa chủ - phong kiến (mâu thuẫn vốn có của xã hội phong kiến); mâu thuẫn mới xuất hiện là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp. Trong đó, mâu thuẫn cơ bản nhất là giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược. Trong bối cảnh ấy, dân tộc Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ: một là, tiến hành canh tân đất nước về mọi mặt; hai là, đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc. Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu: “đất nước và dân tộc Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ lịch sử rất trọng đại, rất khẩn cấp: một là nhiệm vụ duy tân, nghĩa là từ bỏ sự đình trệ phong kiến Châu Á để phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa như Âu Mỹ; hai là bảo vệ nền độc lập dân tộc chống thực dân xâm lược; hai nhiệm vụ có liên quan mật thiết với nhau” (Trần Văn Giàu, tập 1, 1993: 54). Trước yêu cầu cấp thiết của lịch sử, các nhà tư tưởng như Đặng Huy

Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh với tư tưởng canh tân đất nước về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục... với mục đích làm cho đất nước phú cường, để đủ sức chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp giành lại độc lập cho dân tộc.

Bối cảnh thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là tiền đề khách quan hình thành nên tư tưởng canh tân ở Việt Nam.

3. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG CANH TÂN Ở VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

Thứ nhất, canh tân về kinh tế

Ở phương diện này, các nhà canh tân mà tiêu biểu là Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đã khẳng định vai trò quan trọng của kinh tế trong chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước. Từ đó, họ đưa ra nhiều biện pháp để phát triển kinh tế như phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp, mở mang thương nghiệp, cổ động hàng nội hóa, áp dụng khoa học kỹ thuật của các nước phương Tây...

Nguyễn Trường Tộ đã đề ra những biện pháp cụ thể để tiến hành khai thác các nguồn tài nguyên khoáng sản như: thứ nhất, cho các hội nước ngoài tự khai thác rồi ta thu lợi một phần và ông gọi đó là: “bán thời hạn cho họ”

(Trương Bá Cần, 2002: 332); thứ hai, liên doanh với nước ngoài, “hai bên làm chung và khoán thuê mướn công nhân, nếu thương lượng ổn thỏa, thì làm cũng không có gì đáng ngại” (Trương Bá Cần, 2002: 332); thứ ba, nếu ta tự làm lấy thì “phải người đi học tập gấp... làm từ dễ đến khó... tuy như thế khó thu lợi lớn ngay, nhưng có điều hay là người mình tự làm lấy khỏi sinh nghi ngại” (Trương Bá Cần, 2002: 332). Đặng Huy Trứ nhấn mạnh vai trò của sản xuất và kinh doanh trong việc làm ra của cải: “khai phá đất hoang vu, cỏ rậm không thể nói có thừa tâm sức, vượt sóng gió tôi đâu tiếc tóc da. Khai thác mỏ muối, mỏ sắt thì dù là thần đồng cũng tiến cử Quản Trọng, khản ruộng vườn thì ngài xứng đáng là tiểu Phàn Tu. Tuy nhiên, làm chín việc tích lũy kiêm thêm việc buôn bán lãi gấp ba, họa chẳng khéo chục năm mới diệt được giặc chăng?” (Đặng Hưng Dzoanh, Bùi Văn Côn và Phạm Tuấn Khanh, 1990: 394). Nguyễn Lộ Trạch dựa vào điều kiện thực tế nước ta thích hợp cho việc sản xuất nông nghiệp, chủ trương làm đồn điền và mở rộng thông thương trên cơ sở tự lực, tự cường: “phải một thương tướng dẫn vài vạn quân, chọn nơi đất phì nhiêu khai khẩn canh tác, nhất định có thành quả” (Mai Cao Chương và Đoàn Lê Giang, 1995: 113). Phạm Phú Thứ chủ trương khuyến nông: “vấn đề doanh điền khuyến nông, đó là công việc cần kíp. Trong đó công việc nông điền thủy lợi, có phương pháp gì hay,

thông thương, tăng gia tài sản, có kế sách gì tốt, xin cho trừ biện” (Phạm Ngô Minh, Chương Thâu, Nguyễn Kim Nhị, Phạm Phú Viết và Trần Phước Tuấn, tập 2, 2014: 32). Phan Bội Châu chủ trương “hồ hào quốc dân” mở mang thương điểm, lập ngân hàng: “Lấy tiền của mình đã tích trữ để hồ hào quốc dân hoặc mở thương điểm hoặc lập ngân hàng, liên hiệp nhiều người góp vốn làm công lợi” (Phan Bội Châu, 2015: 119). Từ đó, ông đề cao vai trò của thương nghiệp và xem việc mở mang thương nghiệp, cổ động hàng nội hóa là một trong những biện pháp làm cho dân giàu:

“Người đông, đất rộng, dân bần
Một đường buôn bán muôn phần phú
nhiều” (Phan Bội Châu, tập 2, 1990: 248).

Cũng giống như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh cho rằng muốn phát triển kinh tế thì phải chú trọng phát triển thương nghiệp, kinh doanh, lập các hiệu buôn, đẩy mạnh các ngành sản xuất công thương nghiệp, khuyến khích người dân học nghề, chung vốn làm ăn, mở rộng giao lưu kinh tế với các nước khác...:

“Vậy nên của lưu thông dào dã,
Nghề bán buôn khắp cả đông tây.
Lợi quyền nắm hết vào tay,
Làm cho giàu có càng ngày càng hơn”
(Phan Châu Trinh, tập 1, 2005: 350).

Có thể nói, tư tưởng canh tân trong lĩnh vực kinh tế tương đối hệ thống, đề cập đến nhiều vấn đề, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế ở Việt Nam giai đoạn này.

Thứ hai, canh tân về chính trị - xã hội

Bên cạnh tư tưởng canh tân về kinh tế, tư tưởng canh tân về chính trị - xã hội của các nhà canh tân cũng đã đề cập và bước đầu giải quyết được một số vấn đề đặt ra lúc bấy giờ. Nguyễn Trường Tộ chủ trương thiết lập và củng cố tư tưởng chính danh, định phận trong xã hội theo thứ tự đẳng cấp nhằm duy trì chế độ quân chủ tập quyền hiện thời, với quyền lực tuyệt đối thuộc về nhà vua: “Vua có bốn phận của vua, quan có bốn phận của quan, dân có bốn phận của dân. Danh phận mỗi người đều có cái quý trọng riêng... mỗi bốn phận có một cái cao quý riêng, không được có cái ý tưởng được voi đòi tiên” (Trương Bá Cẩn, 2002: 176). Do đó, ông chỉ đưa ra một số biện pháp cải cách bộ máy hành chính như hợp tỉnh, huyện để tỉnh giản biên chế, giản lược thủ tục giấy tờ; bổ sung, đào tạo lại đội ngũ quan lại có thực tài; lập thêm bộ Nông nghiệp, bộ Ngoại giao... Đặng Huy Trứ cũng chủ trương trung vua, do đó ông không đề cập đến vấn đề thay đổi thể chế chính trị. Tuy nhiên, ông lại đưa ra quan điểm lấy dân làm gốc và đề cao vai trò của nhân dân “Khí mạch của nước là lấy dân làm gốc”, “Dân ta vốn đủ sức xoay trời lại” (Đặng Hưng Dzoanh, Bùi Văn Côn và Phạm Tuấn Khanh, 1990: 284). Còn Nguyễn Lộ Trạch cho rằng về chính trị phải kịp thời sửa sang “chính - giáo” (chính trị - giáo dục): “Sự còn mất của quốc gia là do chính trị - giáo dục, chứ

không phải do mạnh - yếu, lớn - nhỏ (b). Chính trị giáo dục được sửa sang cắt cử thì dầu nhỏ yếu cũng chưa thể mất được" (Mai Cao Chương và Đoàn Lê Giang, 1995: 138). Từ đó, ông nhấn mạnh về vai trò của người cầm quyền trong việc đề ra những chủ trương, đường lối đúng đắn và phù hợp để bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

Phan Bội Châu chủ trương xây dựng một mô hình nhà nước Việt Nam kiểu mới, trong đó nhân dân là người nắm giữ vận mệnh đất nước: "Sau khi đã duy tân rồi, thì dân trí sẽ mở mang, dân khí sẽ lớn mạnh, dân quyền sẽ phát đạt; vận mệnh nước ta do nhân dân nắm giữ. Giữa đô thành nước ta đặt một tòa Nghị viện. Bao nhiêu việc chính trị đều do công chúng quyết định... Phàm nhân dân nước ta, không cứ sang hèn, giàu nghèo, lớn bé đều có quyền bỏ phiếu bầu cử" (Phan Bội Châu, tập 2, 2000: 179).

Phan Bội Châu cho rằng một nước có ba điều quan trọng là nhân dân, đất đai, và chủ quyền, trong đó nhân dân đứng ở vị trí thứ nhất: "...được gọi là một nước thì phải có nhân dân, có đất đai, có chủ quyền. Thiếu một trong ba cái đó đều không đủ tư cách làm một nước. Trong ba cái đó thì nhân dân là quan trọng nhất" (Phan Bội Châu, tập 3, 1990: 68). Trong tư tưởng của mình, Phan Bội Châu không chỉ đề cập đến vị trí, vai trò của nhân dân mà ông còn đưa ra quan điểm nhân dân có quyền và nghĩa vụ giám sát các hoạt động của nhà nước

thông qua nghị viện theo quy định của Hiến pháp: "hình pháp, chính lệnh, thuế khóa, tiêu dùng đều do nghị viện quyết định, mà nghị viện thì đều do nhân dân tổ chức nên" (Phan Bội Châu, tập 3, 1990: 387).

Phan Châu Trinh chủ trương xây dựng mô hình nhà nước được tổ chức và điều hành theo nguyên tắc cơ bản là "tam quyền phân lập". Trong đó, lập pháp giao cho Nghị viện, Hành pháp đứng đầu là Giám quốc do Nghị viện bầu ra còn tư pháp giao cho các cơ quan xét xử độc lập. Viện tư pháp cùng hai viện kia: "có quyền độc lập như nhau" (Nguyễn Văn Dương, 1995: 817). Ngoài ra, để đảm bảo chế độ dân chủ, ông cho rằng cần thiết phải có nhiều đảng phái chính trị nhưng trên nguyên tắc: "giao quyền cho cái đảng nào chiếm số nhiều trong hai viện ấy thì mới được tổ chức Quốc vụ viện..." (Nguyễn Văn Dương, 1995: 817).

Tư tưởng canh tân về chính trị - xã hội thời kỳ này cho thấy các nhà canh tân như Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch và Phạm Phú Thứ chủ trương cải cách trong khuôn khổ của chế độ phong kiến; còn các nhà canh tân đầu thế kỷ XX như Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đã đứng trên lập trường của ý thức hệ dân chủ tư sản, chủ trương xóa bỏ chế độ quân chủ phong kiến, xây dựng chế độ dân chủ tư sản. Mặc dù thời kỳ này Việt Nam đang thuộc Pháp với chế độ dân chủ tư sản và thực dân.

Thứ ba, canh tân về văn hóa và giáo dục

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, các nhà tư tưởng canh tân khẳng định vai trò và tính cấp thiết của việc cải cách giáo dục. Nguyễn Trường Tộ xác định: “việc chỉnh đốn học thuật là cái gốc lớn của quốc gia” (Trương Bá Cần, 2002: 277) và đặt nó trong *Tám việc cần làm gấp*. Ở ngay đầu bài *Về việc học thực dụng* (Di thảo số 18, 1/9/1866), Nguyễn Trường Tộ đã khẳng định: “Học tập bồi dưỡng nhân tài tức là con đường đưa đến giàu mạnh” (Trương Bá Cần, 2002: 221). Phan Bội Châu cũng khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục trong việc làm cho đất nước giàu mạnh: “Phàm người trong một nước mà giàu mạnh được có thể cùng thế giới tranh đua, giành sự sống còn, tất phải lấy giáo dục làm cơ sở” (Phan Bội Châu, tập 5, 1990: 279). Phan Châu Trinh xem giáo dục là phương tiện để giải phóng dân tộc: “không mở mang dân trí, không để dân giàu thì không có con đường nào để đạt được mục đích tự trị” (Nguyễn Q. Thắng, 1992: 145).

Trên cơ sở đó, các nhà canh tân đã đưa ra nhiều biện pháp để phát triển giáo dục. Nguyễn Trường Tộ đề xướng việc học thuật theo hướng thực dụng: “Cần phải tìm cái học thực dụng” (Trương Bá Cần, 2002: 251). Phạm Phú Thứ chú trọng đào tạo người tài và cũng khẳng định tầm quan trọng của việc học thực dụng: “Xin ban hành sách vở nước nhà để tìm kiếm thực học” (Phạm Ngô Minh,

Chương Thâu, Nguyễn Kim Nhị, Phạm Phú Viết và Trần Phước Tuấn, tập 2, 2014: 32). Còn Đặng Huy Trứ cho rằng, cần phải đào tạo những con người có những hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực: “Lập cục dạy nghề, tuyển thiếu niên thông minh, rước người mời phương Tây đến dạy ngôn ngữ, văn tự, toán pháp, đồ họa để làm cơ sở cho việc chế tạo cơ khí đóng tàu thuyền” (Phạm Ngô Minh, Chương Thâu, Nguyễn Kim Nhị, Phạm Phú Viết và Trần Phước Tuấn, tập 2, 2014: 436). Nguyễn Lộ Trạch nhấn mạnh vai trò của việc học tập khoa học kỹ thuật phương Tây: “nhiệm vụ cấp bách hiện nay, cố nhiên không thể chậm trễ việc học kỹ thuật được” (Mai Cao Chương và Đoàn Lê Giang, 1995: 133). Phan Bội Châu chủ trương phát triển các trường dạy nghề: “Các trường học bách công đầy khắp nước, thợ tìm mỏ, thợ nấu vàng, thợ đúc súng, thợ chế tạo máy móc, thợ sản xuất hàng hóa để buôn bán, thợ rèn dụng cụ để cày cấy; thợ vẽ khéo, thợ may giỏi, cho đến trăm vật gì cũng có thợ cả” (Phan Bội Châu, tập 2, 2000: 188). Đồng thời, phải có chính sách khuyến khích việc học tập ở nước ngoài: “cấp học bổng xuất dương du học thật hậu để giúp đào tạo người tài cho đất nước thành công” (Phan Bội Châu, tập 1, 2000: 99). Đối với Phan Châu Trinh để mở mang dân trí, ông chủ trương “khai dân trí”, tiến hành lối học thực dụng như học chữ quốc ngữ, học các môn khoa học kỹ thuật, khoa học tự nhiên “cách vật trí tri”:

“Công thương, kỹ nghệ chuyên khoa, Trí tri, cách vật cho ta theo cùng” (Phan Châu Trinh, tập 1, 2005: 271).

Ngoài việc thực học, Phan Châu Trinh còn rất coi trọng việc học “thực nghiệp”. Ông thấy rằng cần phải có sự kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết với các hoạt động kinh doanh, nông nghiệp, thủ công nghiệp, khai mỏ...

Bên cạnh đó, các nhà canh tân còn đưa ra nhiều biện pháp để nâng cao trình độ văn hóa của người dân như lập nhà in, tự do xuất bản báo chí, sửa đổi phong tục tập quán... Phan Bội Châu cho rằng tự do ngôn luận, tự do xuất bản báo chí, hội họp là một yêu cầu bức thiết trong phong trào dân chủ thời bấy giờ: “Cửa tự do rộng mở, báo chí tràn đường, tân thư đầy ngõ, đơn từ kiện cáo, bút lưởi hùng đàm, luận bàn đủ việc nội trị ngoại giao” (Phan Bội Châu, tập 2, 1990: 257). Còn Phan Châu Trinh cho rằng việc tiếp thu văn hóa cần có sự chọn lọc, tránh làm mất đi bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc, chẳng hạn như việc học tiếng Pháp: “Sử dụng ngôn ngữ của nước khác đã lạm dụng sức mạnh của họ thì họ sẽ bắt các anh phải quỳ gối cúi đầu dưới cái ách của họ. Xưa người ta bắt chúng ta học chữ Nho thì nay người ta bắt chúng ta học chữ Pháp!” (Phan Châu Trinh, tập 3, 2005: 191). Ông chủ trương tiếp thu có chọn lọc trên cơ sở giữ gìn những giá trị truyền thống của ông cha để lại: “Phàm đã là dân tộc sinh toàn trên hoàn vũ, đã có một cái lịch sử của dân tộc mình nghĩa là giữ

gìn lấy những đức tính tốt mấy trăm ngàn năm cha ông để lại, khiến cho nước nào, dân tộc nào đối với mình cũng đem lòng kính trọng” (Phan Châu Trinh, tập 3, 2005: 243).

Nhìn chung, các nhà canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều khẳng định tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc canh tân về văn hóa, giáo dục và đã đưa ra được nhiều biện pháp góp phần nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân.

Thứ tư, canh tân về quân sự và ngoại giao

Trong hoàn cảnh Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các nhà canh tân nhận thấy rõ sự yếu kém của quân đội nước ta trước sức mạnh về vũ khí của Pháp. Do đó, họ cho rằng nhiệm vụ cần kíp trước mắt là phải gấp rút chỉnh tu vũ bị, đầu tư trang thiết bị quân sự, chế tạo vũ khí... Trong bài *Tế cấp bát điều* (1867) có tám điều cần làm gấp thì điều thứ nhất Nguyễn Trường Tộ đề cập là: “xin gấp rút sửa đổi việc vũ bị” (Trương Bá Cần, 2002: 266). Nhận thức rõ tầm quan trọng của binh lực, Nguyễn Trường Tộ đã đề xuất nhiều ý kiến về việc xây dựng chính sách quân sự như: soạn binh thư, binh pháp mới, coi trọng người lính, có kế hoạch đào tạo cán bộ chỉ huy... Nguyễn Lộ Trạch cho rằng quân ta tuy đông nhưng không mạnh nên vấn đề trước tiên là phải xây dựng lại quân đội bằng cách chọn quân binh một cách nghiêm ngặt: “thà có một người mà dùng được một người còn hơn có mười người mà

không dùng được một” (Mai Cao Chương và Đoàn Lê Giang, 1995: 118). Đồng quan điểm với Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ cũng khẳng định vai trò tiên quyết của binh bị như sau: “Cái yếu quyết làm cho quốc gia được mạnh mẽ không gì lớn bằng đầy đủ binh bị” (Phạm Ngô Minh, Chương Thâu, Nguyễn Kim Nhị, Phạm Phú Thứ và Trần Phước Tuấn, tập 2, 2014: 31). Xuất phát từ quan điểm trên, Phạm Phú Thứ đã đưa ra nhiều giải pháp cụ thể nhằm củng cố và tăng cường sức mạnh quân đội như coi trọng người lính, tăng lương bổng cho người quan võ và lính: “... thêm bổng lộc dưỡng nuôi để khuyến khích kẻ sĩ, chuyên trách tướng để làm mạnh binh. Bởi lộc không đủ thì hại dân, tướng không có quyền thì binh tan rã” (Phạm Ngô Minh, Chương Thâu, Nguyễn Kim Nhị, Phạm Phú Thứ và Trần Phước Tuấn, tập 2, 2014: 74). Đồng thời, phải mua vũ khí mới, đặt thêm Cục cơ giới, tổ chức hội thao, tăng cường tổ chức luyện tập bắn súng, đặt lệ thưởng phạt để khuyến khích binh lính luyện tập. Còn Phan Bội Châu sớm nhận thấy vai trò quan trọng của lực lượng vũ trang đối với sự tồn vong của dân tộc, do đó ông quyết định thành lập *Quang phục quân*. Đặc biệt, nhiều quan điểm về xây dựng lực lượng vũ trang của ông được thể hiện tập trung trong tác phẩm *Việt Nam Quang phục quân phương lược* như: “1. Tôn chỉ của bản quân. 2. Nghĩa vụ của bản quân. 3. Kỷ luật của bản quân. 4. Kế hoạch của bản quân” (Phan Bội

Châu, tập 3, 2000: 366). Cùng với hoạt động nghiên cứu, chế tạo vũ khí, Phan Bội Châu còn vận động nhân dân trong cả nước góp tiền mua khí giới, vận động sự giúp đỡ của cá nhân và các tổ chức cách mạng Trung Quốc, phát hành *Quân dụng phiếu* và *Thông dụng ngân phiếu* để huy động sự giúp đỡ về tài chính của nhiều người.

Bên cạnh đó, vấn đề ngoại giao chủ yếu là vấn đề đối phó với cuộc xâm lược của Pháp, vốn là mối bận tâm lớn của các nhà canh tân giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Sau khi phân tích tình hình thế giới và tương quan lực lượng giữa ta và địch, Nguyễn Trường Tộ khẳng định không có con đường nào khác là phải tạm thời thỏa hiệp với Pháp để tranh thủ thời gian canh tân đất nước, tìm kế dài lâu để đánh đuổi Pháp. Do đó, Nguyễn Trường Tộ đã đề trình lên triều đình các sách lược ngoại giao: Thứ nhất, khai thác triệt để mâu thuẫn giữa Pháp và các nước khác; thứ hai, khai thác mâu thuẫn trong nội bộ người Pháp; thứ ba, khai thác sự đố kỵ, ganh ghét nhau giữa các nước lớn. Cùng với Nguyễn Trường Tộ, lập trường ngoại giao của Phạm Phú Thứ tạm thời “hòa” với Pháp chỉ là một cách để có thời gian canh tân đất nước, mở cửa bang giao với nước ngoài, học tập khoa học kỹ thuật của phương Tây, củng cố lực lượng và tính kế khôi phục đất nước. Đồng thời, Phạm Phú Thứ còn cho rằng cần phải khai thác mâu thuẫn giữa Pháp và các

nước khác mà ở đây là mâu thuẫn lớn giữa Pháp và Anh và khai thác mâu thuẫn trong nội bộ người Pháp. Còn Phan Bội Châu chú trọng xây dựng mặt trận đoàn kết quốc tế với mục đích tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế để đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại độc lập cho dân tộc. Năm 1908, Phan Bội Châu cùng các chí sĩ yêu nước và cách mạng người Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ... thành lập tổ chức *Đông Á đồng minh hội*, với tôn chỉ: “liên hiệp toàn Châu Á, đoàn kết với các chí sĩ các nước bị mất, dắt dìu các dân tộc cùng nhau bước lên sân khấu cách mạng để giáo dục nhân dân trong thời gian nước bị mất” (Phan Bội Châu, 1957: 119). Bên cạnh *Đông Á đồng minh hội*, ông còn đứng ra thành lập hội *Chấn Hoa hưng Á* để liên hiệp những người cách mạng Trung Quốc và cách mạng Việt Nam, đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập dân tộc: “...chấn chỉnh nước Trung Hoa làm cho Châu Á hưng thịnh, đánh đổ kẻ thù trước mắt là thực dân Pháp đã xâm lược Việt Nam, mà kế hoạch là: bước một, viện trợ Việt Nam; bước hai, viện trợ Ấn Độ và Miến Điện; bước ba, viện trợ Triều Tiên” (Phan Bội Châu, 1957: 153).

Còn Phan Châu Trinh chủ trương thực hiện đường lối ngoại giao dựa vào Pháp để nâng cao dân trí, chấn dân khí...; đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của dư luận tiến bộ Pháp và gây áp lực để đòi hỏi chính phủ Pháp phải

thực hiện những cải cách về chính trị, giáo dục, kinh tế... từng bước đòi lại quyền lợi cho dân tộc: “Viết lên báo chương, trình bày nguyện vọng, kêu gọi các lý tưởng nhân đạo của nước Pháp... dựa vào những người Pháp Cộng hòa chân thành” (Phan Châu Trinh, tập 3, 2005: 226).

Như vậy, trong lĩnh vực quân sự và ngoại giao, các nhà tư tưởng canh tân đã đưa ra nhiều biện pháp nhằm xây dựng quân đội đủ mạnh, và thỏa hiệp nhằm mở rộng quan hệ ngoại giao, khai thác sức mạnh và sự ủng hộ quốc tế để đánh đuổi thực dân Pháp.

4. KẾT LUẬN

Sự xuất hiện của tư tưởng canh tân ở Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là một tất yếu khách quan. Nội dung của tư tưởng canh tân giai đoạn này rất đa dạng, đề cập đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh tư tưởng canh tân về chính trị cải lương chưa triệt để như mô hình nhà nước kiểu mới của Phan Bội Châu, hay mô hình nhà nước theo tam quyền phân lập của Phan Chu Trinh; hay quan điểm thỏa hiệp trong ngoại giao, dựa vào Nhật, Pháp để củng cố đất nước, thì chủ trương của các nhà canh tân là phát triển thương nghiệp, chú trọng thực học, thực nghiệp, phát huy dân chủ, nêu cao truyền thống văn hóa tốt đẹp và tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam... □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Q. Thắng. 1992. *Phan Châu Trinh cuộc đời và tác phẩm 1872 - 1926*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
2. Nguyễn Văn Dương. 1995. *Tuyển tập Phan Châu Trinh*. Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.
3. Đặng Hưng Dzoanh, Bùi Văn Côn và Phạm Tuấn Khanh. 1990. *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*. TP HCM: Nxb. TP HCM.
4. Mai Cao Chương và Đoàn Lê Giang. 1995. *Nguyễn Lộ Trạch điều trần và thơ văn*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
5. Nguyễn Văn Hòa. 2006. *Tư tưởng triết học và chính trị của Phan Bội Châu*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Phạm Ngô Minh, Chương Thâu, Nguyễn Kim Nhi, Phạm Phú Viết và Trần Phước Tuấn. 2014. *Phạm Phú Thứ toàn tập*. Tập 2. Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.
7. Phan Bội Châu. 1957. *Phan Bội Châu niên biểu*. Bản dịch của Phạm Trọng Điềm và Tôn Quang Phiệt. Hà Nội: Nxb. Văn - Sử - Địa.
8. Phan Bội Châu. 1990. *Toàn tập* - tập 2, 3, 5. Huế: Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.
9. Phan Bội Châu. 2000. *Toàn tập* - tập 1, 2, 3. Huế: Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.
10. Phan Bội Châu. 2015. *Việt Nam quốc sử khảo*. Chương Thâu dịch và chú thích. Hà Nội: Nxb. Văn hóa - Thông tin.
11. Phan Châu Trinh. 2005. *Toàn tập*. 3 tập. Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.
12. Trần Văn Giàu. 1993. *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám. Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
13. Trương Bá Cẩn. 2002. *Nguyễn Trường Tộ - con người và di thảo*. TP HCM: Nxb. TP HCM.